TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-06-2019
"V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam
2. Ông Nguyễn Chí Bền

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thúy An - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trương Hồng Diễm

Trong ngày 25 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Kim L (tên gọi khác T) – Sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 273, Khu phố N ô, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Bùi Hữu N - Sinh năm: 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: số 552, Khu phố Quang M, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Nguyên đơn - chị Lê Kim L trình bày: Chị và anh N tự tìm hiểu nhau hơn 03 tháng thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 2009 (âm lịch), có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Giồng R, tỉnh

Kiên Giang. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn trong việc chi tiêu kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Đến ngày 25/12/2018 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị L cương quyết ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Bùi Lê P – sinh ngày: 03/8/2012, hiện cháu P đang sống với chị L. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, Bị đơn - anh Bùi Hữu N trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị L về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh vẫn giữ nguyên ý không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và con.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu được trưc tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, về con chung đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu P cho chị L tiếp tục chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng tương đương số tiền 01 tháng lương cơ sở là 1.390.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh N. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh N có địa chỉ cư trú tại khu phố Quang M, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kim L và anh Bùi Hữu N cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị cũng đã cho anh N nhiều cơ hội sửa chữa khuyết điểm của bản thân nhưng không đạt kết quả. vợ chồng ly thân từ ngày 25/12/2018 (Al) cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:"*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*.....". Nhưng anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng ly thân trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh N cùng xác định có 01 con chung tên: Bùi Lê P – sinh ngày: 03/8/2012, hiện cháu P đang sống với chị L, Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng quy định của pháp luật.

Anh N không đồng ý yêu cầu nuôi con của chị L. Xét thấy cháu P là cháu gái, đã và đang chung sống ổn định với mẹ từ ngày 25/12/2018 (Al) cho đến nay, chị L đủ điều kiện tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị không vi phạm nghĩa vụ hay bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến việc phát triển

tâm sinh lý của cháu, cháu Phương cũng có nguyện vọng tiếp tục chung sống với mẹ. Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi mọi mặc, đảm bảo phù hợp với lợi ích của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

[2.3]Xét yêu cầu cấp dưỡng muôi con của chị L là chính đáng, cần thiết. Căn cứ vào mức thu nhập thực tế của anh N và chi phí của việc nuôi con, chị L yêu cầu anh N phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị L, buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.390.000 đồng, mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

(Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)

[2.4] Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007481 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Kim L được ly hôn anh Bùi Hữu N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Lê P - sinh ngày: 08/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.390.000 đồng (*Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 25/6/2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

(Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007481 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 25/6/2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Lâm